

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 07/2025/DS-PT

Ngày: 18 - 4 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản; tranh chấp chuyển giao
nghĩa vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Túc

Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2025/QĐ-PT ngày 14/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 33/2025/QĐ-PT ngày 17/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc P - sinh năm 1985; cư trú tại tổ G, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Thiệu Quang V1 - Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Nguyệt Á - sinh 1982; cư trú tại số A đường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên hệ: Đ, thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân V - sinh năm 1976; địa chỉ liên hệ: Số H đường T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản uỷ quyền ngày 20/02/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị Mỹ H - sinh năm 1988; cư trú tại tổ G, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Phan Thị Mỹ N - sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; cư trú tại tổ dân phố D, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Ngô Thị Thùy Q - sinh năm 1982;

4. Bà Ngô Thị Thùy G - sinh năm 1979;

Cùng cư trú tại số B đường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Nguyệt Á là bị đơn.

(Ông Nguyễn Ngọc P, ông Thiệu Quang V1, ông Nguyễn Xuân V, bà Phan Thị Mỹ H và bà Phan Thị Mỹ N có mặt; bà Ngô Thị Thùy Q và bà Ngô Thị Thùy G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2024; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 10/4/2024 và ngày 22/4/2024; các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc P trình bày:* Bà Bùi Thị Nguyệt Á là chị, con cô ruột với vợ của ông nên khi cần tiền làm ăn kinh doanh, bà Á có nhờ ông vay mượn người thân và vay tiền Ngân hàng để cho bà Á mượn lại; bà Á hứa làm ăn được thì bà Á sẽ hỗ trợ tiền lãi vay. Vì chỗ chị, em tin tưởng nhau nên ông đồng ý đi vay mượn tiền của nhiều người khác và Ngân hàng để cho bà Á mượn. Thực tế, ông đã chuyển khoản cho bà Á mượn trước đó nhưng đến ngày 10/10/2022, bà Á mới viết giấy mượn tiền của ông với tổng số tiền 2.720.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 12/9/2022, ông chuyển khoản nhiều lần cho bà Á với tổng số tiền 2.000.000.000 đồng (có chứng từ chuyển khoản số tiền 899.000.000 đồng, 16.000.000 đồng, 261.000.000 đồng, 499.000.000 đồng và 325.000.000 đồng vào tài khoản 0271000975931 của bà Á); hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 2.000.000 đồng/ngày/02 tỷ; bà Á đã trả tiền lãi cho ông từ ngày 12/9 đến ngày 10/10/2022 là 29 ngày, tổng cộng 58.000.000 đồng.

- Ngày 21/9/2022, ông chuyển khoản cho bà Á 120.000.000 đồng; hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 120.000 đồng/ngày/120.000.000 đồng gốc; bà Á đã trả tiền lãi cho ông từ ngày 21/9 đến ngày 10/10/2022 là 20 ngày, tổng cộng 2.400.000 đồng.

- Ngày 07/10/2022, ông chuyển khoản cho bà Á tổng cộng 600.000.000 đồng (có chứng từ chuyển khoản 579.000.000 đồng và 21.000.000 đồng); hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 600.000 đồng/ngày/600.000.000 đồng; bà Á đã trả tiền lãi cho ông từ ngày 07 đến ngày 10/10/2022 là 04 ngày, tổng cộng 2.400.000 đồng.

Bà Á đã trả tiền lãi cho ông đến ngày 10/10/2022 với tổng số tiền 62.800.000 đồng. Đến ngày 12/10/2022, bà Á điện thoại cho ông nói không còn khả năng để trả tiền nợ gốc, lãi cho ông; bà Á cam kết trong vòng 03 tháng (từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/01/2023) sẽ hoàn trả đủ số tiền trên cho ông nhưng đến ngày 26/12/2022, bà Á giao cho ông 02 lô đất ở xã N, huyện T để cầm trừ 900.000.000 đồng vào khoản nợ trên, ông đồng ý. Ngày 05/01/2023, bà Á đưa 10.000.000 đồng cho ông để trả tiền lãi Ngân hàng; ngày 10/01/2023, bà Á không trả số tiền còn lại là 1.820.000.000 đồng cho ông nên bà Á viết lại giấy mượn tiền (bà Á thu hồi lại giấy mượn tiền ngày 10/10/2022), xin gia hạn 05 tháng đến ngày 10/6/2023 trả đủ số tiền 1.820.000.000 đồng cho ông và mỗi tháng bà Á hỗ trợ 10.000.000 đồng để trả tiền lãi Ngân hàng; bất khả kháng sau 05 tháng, bà Á sẽ trả ít nhất 50% số tiền 1.820.000.000 đồng và bà Á xin gia hạn 03 tháng từ ngày 10/6/2023 đến ngày 10/9/2023, bà Á sẽ trả hết số tiền còn lại cho ông và trả tiền lãi Ngân hàng nhưng từ ngày 12/02/2023 đến ngày 09/3/2023, bà Á chỉ đưa cho ông 10.000.000 đồng để trả tiền lãi đến ngày 10/9/2023, bà Á không trả tiền nợ gốc như đã hứa.

Ông không quen biết bà Ngô Thị Thùy Q. Việc bà Á cho rằng ông đề cập với bà Á giới thiệu ông với bà Q để ông cho bà Q vay tiền là không đúng; ông chỉ cho bà Á vay tiền chứ không cho bà Q vay tiền. Trong bản cam kết không có nội dung chuyển giao nghĩa vụ trả 1.820.000.000 đồng từ bà Á sang bà Q, mà chỉ cam kết giữa ông, bà Á và bà Q về việc cầm trừ 02 lô đất cho ông, trị giá 900.000.000 đồng vì bà Q nợ tiền bà Á; bà Q không liên quan gì đến việc vay tiền của ông.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Á phải trả cho ông 1.820.000.000 đồng; về tiền lãi, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông không có hành vi gây rối, gây sức ép để buộc bà Á phải viết giấy mượn tiền, mà thực tế bà Á có mượn tiền của ông, có chứng từ ông chuyển khoản cho bà Á; bà Á viết giấy mượn tiền của ông ngày 10/10/2022. Việc bà Á yêu cầu Tòa án tuyên bố giấy mượn tiền ngày 10/01/2023 vô hiệu, buộc bà Q có nghĩa vụ trả 1.820.000.000 đồng cho ông thì ông không đồng ý.

** Tại đơn khởi kiện yêu cầu phản tố đề ngày 13/5/2024; đơn yêu cầu phản tố bổ sung đề ngày 17/9/2024; các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Bùi Thị Nguyệt Á do bà Bùi Thị V2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Bùi Thị Nguyệt Á và bà Phan Thị Mỹ H (vợ của ông Nguyễn Ngọc P) là chị, em con nhà cô, cậu nên ông P có đề cập với bà Á về việc giới thiệu ông với bà Q để ông cho bà Q vay tiền; bà Q đồng ý với điều kiện bà Á là người đưa tiền cho bà Q; ông P biết, không phản đối.*

Để thực hiện yêu cầu của bà Q, bà Á đóng vai trò người trung gian giữa ông P với bà Q; theo đó, bà Á nhận tiền từ ông P và chuyển số tiền đã nhận cho bà Q theo số tài khoản mà bà Q cung cấp (số tài khoản mang tên bà Ngô Thị Thùy G là chị ruột của bà Q). Ngày 26/12/2022, bà Á, bà Q và ông P đã cùng thỏa thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ bằng giấy cam kết về việc trả nợ, theo đó bà Q có nghĩa vụ trả nợ cho ông P; thực tế, ngày 27/12/2022 vì khoản nợ đã đến hạn nhưng chưa trả được nợ cho ông P nên bà Q đã xử lý tài sản, ký hợp đồng ủy quyền toàn phần 02 thửa đất cho ông P để cầm trả nợ; điều này khẳng định bà Á chỉ là người cầm tiền từ ông P đưa cho bà Q; bà Q mới là người mượn tiền của ông P.

Khi bà Q không tiếp tục trả nợ, ông P cùng bà Phan Thị Mỹ N, chị gái của bà H đã liên tục có những hành vi gây rối, gây sức ép như treo băng rôn, chụp hình nhà của mẹ bà Á để đăng tải trên mạng, phát loa lan truyền thông tin sai sự thật nhằm gây áp lực buộc bà Á phải viết giấy mượn tiền. Khi bà Á đã báo chính quyền can thiệp thì ông P, bà N mới ngừng thực hiện các hành vi quấy rối.

Ông P cũng đã nhiều lần yêu cầu bà Á viết giấy mượn tiền theo ý của ông P như gửi tin nhắn để yêu cầu bà Á viết theo, nhưng vì sự thật khách quan nên bà Á không đồng ý viết. Ngày 10/01/2023, ông P cùng bà N đến nhà bà Á ép bà Á viết giấy mượn số tiền 1.820.000.000 đồng; vì sự an toàn cho bản thân và người thân, bà Á buộc phải viết giấy mượn tiền theo ý của ông P, bà N.

Nay, bà Á yêu cầu Tòa án tuyên bố giấy mượn tiền đề ngày 10/01/2023 vô hiệu, buộc bà Ngô Thị Thùy Q có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Ngọc P số tiền 1.820.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 10/5/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Mỹ H trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Ngọc P. Việc ông P mượn tiền của người khác cho bà Bùi Thị Nguyệt Á mượn, bà có biết. Nay, ông P yêu cầu bà Á trả tiền cho ông P thì bà đồng ý. Đơn phản tố của bà Á đề ngày 17/9/2024 là hoàn toàn không có căn cứ. Ông P đưa tiền cho bà Á mượn thì bà Á phải có nghĩa vụ trả cho ông P. Ngày 26/12/2022, trong bản cam kết 03 bên ký thỏa thuận ủy quyền toàn phần 02 thửa đất, trị giá 900.000.000 đồng; số tiền này đã cầm trả vào số tiền mà ông P cho bà Á mượn.

** Tại bản tự khai ngày 23/5/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Mỹ N trình bày:* Ngày 18/01/2023, bà và ông Nguyễn Ngọc P được bà Bùi Thị Nguyệt Á hẹn lên nhà để viết lại giấy nợ. Do giấy nợ trước đó hẹn trả nợ của bà Á và ông P đã hết thời gian mà bà Á vẫn chưa trả. Lúc viết giấy, bà Á có tình viết không đúng nên bà và ông P nhắc để bà Á viết cho đúng; bà và ông P hoàn toàn không ép buộc bà Á.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ là bà Ngô Thị Thùy Q và bà Ngô Thị Thùy G không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc P và yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Nguyệt Á.*

* Bản án số 94/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc P. Buộc bà Bùi Thị Nguyệt Á có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc P số tiền nợ gốc 1.791.610.957 đồng. Ông Nguyễn Ngọc P không yêu cầu trả tiền lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Nguyệt Á về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu giấy mượn tiền ngày 10/01/2023 và buộc bà Ngô Thị Thùy Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc P 1.820.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 09/10/2024, bà Bùi Thị Nguyệt Á có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà, tuyên bố giấy mượn tiền ngày 10/01/2023 vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép; buộc bà Ngô Thị Thùy Q phải trả cho ông Nguyễn Ngọc P 1.820.000.000 đồng.

* *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc P phát biểu ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:* Không chấp nhận kháng cáo của bà Á, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; riêng bà Ngô Thị Thùy Q và bà Ngô Thị Thùy G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm là không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi; về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên. Ngày 09/10/2024, bị đơn là bà Bùi Thị Nguyệt Á có đơn kháng cáo là

còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Thùy Q và bà Ngô Thị Thùy G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn là bà Bùi Thị Nguyệt Á, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Theo sao kê tài khoản (bút lục 06 - 10, 21); biên bản ghi lời khai ngày 04/6/2024 của bà Bùi Thị V2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Nguyệt Á tại cấp sơ thẩm (bút lục 106, 107); văn bản trình bày ý kiến đề ngày 21/02/2025 kèm theo bảng giải trình và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị Nguyệt Á (do ông Nguyễn Xuân V là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng) thừa nhận vào các ngày 12, 21/9 và ngày 07/10/2022, bà Á có nhận của ông Nguyễn Ngọc P tổng số tiền 2.720.000.000 đồng, nhưng bà Á cho rằng bà chỉ là người trung gian, nhận tiền giúp sau đó chuyển khoản lại cho bà Ngô Thị Thùy Q vì ông P cho bà Q vay tiền, nhưng bà Á không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và không được ông P thừa nhận. Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/6/2024 (bút lục 106, 107), bà Bùi Thị V2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Á cũng xác định không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông P cho bà Q mượn tiền.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Á cho rằng không biết và không thừa nhận Giấy mượn tiền đề ngày 10/10/2022 (bút lục 01), nhưng bà Á thừa nhận chữ viết, chữ ký trong Giấy mượn tiền đề ngày 10/01/2023 (bút lục 15) là của bà. Theo Giấy mượn tiền đề ngày 10/01/2023 thể hiện nội dung: *...Ngày 10/10/2022, bà Á có mượn ông Nguyễn Ngọc P 2.720.000.000 đồng...*; bà Á cho rằng do bị ông P ép buộc nên bà mới viết, ký Giấy mượn tiền đề ngày 10/01/2023 và cung cấp 02 hình ảnh, đoạn ghi hình. Tuy nhiên, sau khi xem xét tài liệu do bà Á cung cấp kết hợp với nội dung tin nhắn giữa ông P và bà Á qua ứng dụng messenger (bút lục 64 - 75) chỉ thể hiện giữa bà Á và ông P có lời qua tiếng lại về nội dung viết giấy mượn tiền, sau đó bà Á tự nguyện viết lại giấy mượn tiền (bút lục 63); ngoài ra, bà Á không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà bị cưỡng ép, đe dọa, buộc phải viết giấy mượn tiền đề ngày 10/01/2023. Do đó, việc bà Á yêu cầu Tòa án tuyên bố Giấy mượn tiền đề ngày 10/01/2023 vô hiệu là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Giấy cam kết về việc trả nợ đề ngày 26/12/2022 (bút lục 159) có nội dung: *... bà Á và ông P thực hiện bằng cam kết này về việc đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà Á với ông P ...ông P sẽ lấy toàn bộ 2 thửa đất với giá 900.000.000 đồng trừ vào công nợ mà bà Á nợ ông P...* Giấy cam kết về việc trả nợ đề ngày 26/12/2022 (bút lục 158) cũng có nội dung: *... ông P sẽ lấy toàn bộ hai thửa đất với giá 900.000.000 đồng. Số tiền này sẽ cần trừ vào công nợ mà ông P cho bà Á mượn đưa cho bà Q* Tại phiên tòa, bà Á thừa nhận 02

Giấy cam kết về việc trả nợ cùng đề ngày 26/12/2022 (bút lục 158, 159) là do bà cung cấp cho Tòa án. Như vậy, theo nội dung của 02 Giấy cam kết về việc trả nợ và sự thừa nhận của bà Á có nhận tổng cộng 2.720.000.000 đồng do ông P chuyển khoản cho bà Á, có cơ sở xác định bà Á là người mượn tiền của ông P. Việc bà Á cho rằng theo 02 Giấy cam kết về việc trả nợ cùng đề ngày 26/12/2022, thì nghĩa vụ trả nợ đã chuyển giao cho bà Q là không có cơ sở, không được ông P thừa nhận và không phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Á cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Á. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông P, nhưng tại phần quyết định không tuyên không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, trong khi lại buộc ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận là thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa lại cách tuyên của bản án sơ thẩm cho chính xác.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên bà Á phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo biên lai số 0003680 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Bà Á đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, 116, 117, 118, 119, 127, 274, 280, 351, 370, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Nguyệt Á; sửa bản án số 94/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân thành phố Quảng Ngãi về cách tuyên.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc P. Buộc bà Bùi Thị Nguyệt Á có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc P số tiền nợ gốc 1.791.610.957 đồng (*một tỷ, bảy trăm chín mươi một triệu, sáu trăm mười ngàn, chín trăm năm mươi bảy đồng*).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc P về việc buộc bà Bùi Thị Nguyệt Á có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc P số tiền nợ gốc 28.389.043 đồng (*hai mươi tám triệu, ba trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi ba đồng*). Ông Nguyễn Ngọc P không yêu cầu trả tiền lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Bùi Thị Nguyệt Á về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Giấy mượn tiền đề ngày 10/01/2023 vô hiệu và buộc bà Ngô Thị Thùy Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc P 1.820.000.000 đồng (*một tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1.1. Ông Nguyễn Ngọc P phải chịu 1.419.452 đồng (*một triệu, bốn trăm mười chín ngàn, bốn trăm năm mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 33.300.000 đồng (*ba mươi ba triệu, ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0002750 ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Nguyễn Ngọc P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 31.880.548 đồng (*ba mươi một triệu, tám trăm tám mươi ngàn, năm trăm bốn mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.1.2. Bà Bùi Thị Nguyệt Á phải chịu 66.348.328 đồng (*sáu mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn*) theo biên lai số 0002829 ngày 17/5/2024 và số 0003583 ngày 19/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Bà Bùi Thị Nguyệt Á còn phải nộp 65.748.328 đồng (*sáu mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Nguyệt Á phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai số 0003680 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Bà Bùi Thị Nguyệt Á đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thu Lan

